TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2025/DS-PT
Ngày: 17/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Tấn Tặng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS - ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2025/QĐXXPT-DS ngày 06/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 350/2025/QĐPT-DS ngày 28/5/2025, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Hồ Hữu Á, sinh năm 1968;

2. Dương Thị Kim T, sinh năm 1980;

Cùng Địa chỉ: Số A, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Á và bà T: Luật sư Phạm Hoàng Đ – Công ty L1 Luật sư chi nhánh Đ1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

- *Bị đơn:*

1. Mai Hải T1, sinh năm 1970;

2. Võ Ngọc D, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Số C, tổ B, khóm B, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Dương Huỳnh T2, sinh năm 1978;

3. Huỳnh Thị Tuyết T3, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T2 và bà T3 là: Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà B, đường T, Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 16/6/2025.

Người kháng cáo: Ông Hồ Hữu Á, bà Dương Thị Kim T là nguyên đơn

Ông Á, bà T, luật sư Phạm Hoàng Đ, ông T1, bà D, anh H có mặt tại phiên tòa; ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T trình bày:

Khoảng tháng 02 năm 2022, ông T1 trực tiếp gặp bà T tại nhà của cha, mẹ bà T ở Phường C và hỏi vay bà T số tiền 4.614.760.000 đồng để kinh doanh nên bà T yêu cầu ông T1 đưa số tài khoản của ông T1 là 6500203008760, Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ1. Sau khi bàn bạc với ông Á thì ông Á đồng ý cho vay, đến ngày 28/02/2022, ông Á chuyển khoản 02 lần cho ông T1 theo số tài khoản trên cùng ngày 28/02/2022, lần 1 chuyển số tiền là 2.300.000.000 đồng, lần 2 chuyển số tiền là 2.314.760.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 2%/tháng. Trong đơn khởi kiện, do nguyên đơn nhớ nhầm nên mới trình bày bị đơn mượn tiền qua điện thoại, việc gọi điện thoại cho bị đơn chỉ với mục đích đòi tiền đã cho vay.

Nay ông Á và bà T yêu cầu ông T1 và bà D liên đới trả số tiền gốc là 4.614.760.000 đồng và yêu cầu tiền lãi, lãi suất 1%/tháng từ ngày 28/02/2022 đến ngày 04/3/2025 số tiền là 1.692.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 6.306.760.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông T1, bà D trả xong nợ.

Ông Á và bà T không yêu cầu gì đối với ông T2 và bà T3.

- Theo văn bản ý kiến ngày 18/12/2024, ngày 27/12/2024, tại phiên hoà giải và tại phiên toà bị đơn ông Mai Hải T1 và bà Võ Ngọc D trình bày:

Theo đơn khởi ông Á và bà T trình bày số tiền 4.614.760.000 đồng ông Á và bà T cho rằng ông T1 và bà D vay của vợ chồng ông Á để kinh doanh. Việc vay mượn không có giấy tờ, biên nhận, chỉ qua điện thoại chuyển cho ông T1 02 lần vào tài khoản Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ1 cùng ngày 28/02/2022. Lần 01 số tiền là 2.300.000.000 đồng, lần 02 số tiền là 2.314.760.000 đồng. Tổng cộng là 4.614.760.000 đồng. Thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 2%/tháng.

Lời trình bày của ông Á, bà T là không đúng sự thật. Nguồn gốc số tiền 4.614.760.000 đồng do ông Á, bà T vay của ông L số tiền gốc là 4.700.000.000 đồng vay giùm cho ông Dương Huỳnh T2 và bà Huỳnh Thị Tuyết T3. Sau khi vay được tiền từ ông L, ông Á chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T1, số tài khoản 6500203008760 do ông Mai Hải T1 đứng tên số tài khoản. Ông Á chuyển khoản 02 lần vào cùng ngày 28/02/2022 tổng số tiền là 4.614.760.000 đồng. Số tài khoản của ông T1 là do ông T2 và bà T3 cung cấp cho ông Á và bà T. Sau đó, Ngân hàng tự tất toán cho khoản vay từ Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ1 do ông T1 được ông T2 và bà T3 nhờ đứng tên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 64m^2, thuộc thửa số 96, tờ bản đồ số 29 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 84m^2, thuộc thửa 11, tờ bản đồ số 29. Sau khi ông T1 vay thế chấp từ ngân hàng, ông T1 đã chuyển cho ông T2, bà T3. Việc đứng tên giùm 02 giấy chứng nhận quyền sử đất nêu trên và nhận tiền giải ngân từ ngân hàng đã được ông T2, bà T3 có làm giấy xác nhận ngày 19/02/2024.

Sau khi, ông Á chuyển khoản cho ông T1 thì ông T2 có gọi điện thoại cho ông T1 nói trong tài khoản có tiền và kêu ông T1 ra rút số tiền 856.000.000 đồng nên ông T1 mới ra rút số tiền 856.000.000 đồng và đã đưa số tiền 856.000.000 đồng cho ông T2 và bà T3 còn số tiền ông Á chuyển khoản cho ông T1 thì ông T1 hoàn toàn không biết số tiền vào tài khoản là do ông Á, bà T chuyển vào số tài khoản của ông T1.

Đến khoảng tháng 8/2022, ông Á và bà T có gọi điện thoại cho ông T1 thông báo có chuyển số tiền 4.614.760.000 đồng vào tài khoản của ông T1 thì ông T1 mới biết số tiền ông T2, bà T3 báo cho ông T1 là của ông Á, bà T chuyển vào tài khoản của ông T1.

Ông T1 và bà D khẳng định số tiền 4.614.760.000 đồng, ông T1 và bà D không có vay của ông Á, bà T nên ông T1 và bà D không đồng ý trả số tiền 4.614.760.000 đồng cho ông Á và bà T và tiền lãi cho ông Á, bà T. Bởi vì, sau khi ông Á và bà T chuyển khoản cho ông T1 thì có nhắn tin cho bà T3 với nội dung tin nhắn *"Chị chuyển qua STK của ông T1 rồi đó: tổng 4.700.000.000 đồng T trừ lại 85.240.000 đồng vậy còn lại 4.614.760.000 đồng"*. Nội dung tin nhắn này trùng khớp với số tiền ông Á và bà T chuyển cho ông T1.

Ông T1 và bà D không yêu cầu gì với ông T2 và bà T3.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Huỳnh T2 và bà Huỳnh Thị Tuyết T3 (có anh Trần Đình H là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:**

Khoản tiền ông Á, bà T đang khởi kiện ông T1, bà D là khoản tiền mà ông T2, bà T3 vay của ông Á, bà T, không phải ông T1, bà D vay của ông Á, bà T.

Ngày 28/02/2022, ông Á chuyển khoản vào tài khoản của ông T1 02 lần tổng số tiền 4.614.760.000 đồng là theo yêu cầu của ông T2, bà T3 và ông T2, bà T3 cung cấp số tài khoản của ông T1 để ông Á, bà T chuyển khoản cho ông T2, bà T3. Có tin nhắn giữa bà T với bà T3 về việc cung cấp tài khoản của ông T1, bà T xác nhận với bà T3 đã chuyển khoản đủ tiền cho ông T1.

Tại biên bản đối chất ngày 18/12/2024, ông Á, bà T cho rằng ông T1 gặp bà T ở nhà mẹ bà T tại Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp hỏi vay tiền và cung cấp số tài khoản là không đúng sự thật. Nếu ông Á, bà T cho rằng ông T1 vay tiền thì tại sao không làm biên nhận vay và khi chuyển khoản cho ông T1 thì không ghi nội dung cho vay tiền mà sau đó lại nhắn tin cho bà T3 nhằm xác nhận là đã chuyển tiền vay của bà T3, bà ông T2 qua cho ông T1.

Lý do ông T2, bà T3 vay tiền của ông Á, bà T nhưng lại yêu cầu chuyển vào tài khoản của ông T1 là do ông T2, bà T3 có nhờ ông T1 đứng ra vay giùm ông T2, bà T3 tại Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ1 và ông T1 có mở một khoản tiền tại Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ1 nên mới lấy số tài khoản của ông T1 là người nhận để Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Đ1 trừ tiền luôn trong tài khoản của ông T1. Mục đích ông T2, bà T3 vay tiền của ông Á, bà T là để đáo nợ Ngân hàng.

Sau khi chuyển tiền vào tài khoản của ông T1 thì ông Á, bà T đã yêu cầu ông T2, bà T3 ghi biên nhận vay tiền. Sau khi, ông T2, bà T3 trả tiền xong thì ông Á, bà T đã trả lại biên nhận cho ông T2, bà T3.

Năm 2023, ông L khởi kiện ông Á, bà T tại Toà án nhân dân huyện Thanh Bình yêu cầu trả số tiền vay 4.700.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, ông Á, bà T cho rằng số tiền vay ông L là vay giùm ông T2, bà T3 và thừa nhận nội dung bà T3 yêu cầu chuyển vào số tài khoản 6500203008760 của ông T1. Sau đó, ông Á, bà T đã yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thanh Bình buộc ông T1 trả số tiền nêu trên nhưng sau đó đã thay đổi yêu cầu không yêu cầu ông T1 trả tiền mà lại yêu cầu ông T2, bà T3 liên đới trả tiền cho ông L. Vì ông Á, bà T xác định đây là khoản tiền cho ông T2, bà T3 vay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS-ST, ngày 23/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Bình đã tuyên xử buộc ông T2, bà T3 phải trả số tiền cho ông L. Ông Á, bà T thống nhất với Bản án. Ông T2, bà T3 không đồng ý với Bản án nên đã kháng cáo bản án đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng buộc ông Á, bà T phải trả số tiền cho ông L.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 297/2024/DS-PT, ngày 06/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên chấp nhận kháng cáo của ông T2, bà T3 sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS-PT, ngày 23/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Thanh Bình buộc ông Á, bà T phải trả tiền cho ông L.

Tại Biên bản đối chất ngày 18/12/2024, ông Á, bà T cho rằng nội dung khởi kiện ông T1 không liên quan đến vụ án đã được Toà án nhân dân huyện Thanh Bình và Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết xong là không đúng sự thật. Vì căn cứ khởi kiện ông T1 của ông Á, bà T đều dựa vào nội dung 02 lần chuyển tiền vào tài khoản cho ông T1 vào ngày 28/02/2023. Đây cũng là căn cứ mà ông Á, bà T khởi kiện ông T2, bà T3 tại Toà án nhân dân huyện Thanh Bình nhưng không được Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp nhận.

Do đó, ông T2 và bà T3 yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết không chấp nhận yêu cầu của ông Á, bà T về việc yêu cầu ông T1 và bà D liên đới trả số tiền gốc là 4.614.760.000 đồng và yêu cầu tiền lãi, lãi suất 1%/tháng từ ngày 28/02/2022 đến ngày 04/3/2025 số tiền là 1.692.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 6.306.760.000 đồng.

*** Theo văn bản ý kiến ngày 09/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn L trình bày:**

Theo Thông báo số 576/TB-TLVA, ngày 18/11/2024 của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Ông L không có liên quan đến vụ án dân sự số 746/2024/TLST-DS, ngày 15/10/2024 và cũng không có cho ông Hồ Hữu Á vay tiền. Ông L và ông Á chỉ giao dịch mua bán phân bón với nhau. Do đó, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh không đưa ông L vào tham gia tố tụng vì không có liên quan.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu Á và Dương Thị Kim T yêu cầu ông Mai Hải T1 và bà Võ Ngọc D liên đới trả số tiền gốc và lãi là 6.306.760.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm lẻ sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.306.760 đồng (một trăm mười bốn triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông Á, bà T đã đóng là 57.701.000 đồng. Ông Á, bà T phải nộp thêm số tiền 56.605.760 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Ông Mai Hải T1 và bà Võ Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 17/3/2025, ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Á, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Á, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Mai Hải T1, bà Võ Ngọc D không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Á, bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Á, bà T luật sư Phạm Hoàng Đ trình bày: Việc ông Á, bà T cho ông T1, bà D vay thông qua số tài khoản của ông T1 là căn cứ để chứng minh ông T1 vay của ông Á chứ không phải cho ông T2, bà T3 vay. Tại thời điểm ngày 28/2/2022 ông T2, bà T3 còn nợ

ông Á, bà T 7,5 tỷ thì không thể cho ông T2, bà T3 vay tiếp tục; đối với số tiền 85.240.000 đồng là bà T3 nợ bà T nên trừ lại mới chuyển cho ông trí số tiền 4.614.760.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Á, bà T; sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa

Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với đương sự: đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Á, bà T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Xét ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông Á, bà T. Ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T yêu cầu ông Mai Hải T1 và bà Võ Ngọc D liên đới trả số tiền gốc là 4.614.760.000 đồng và yêu cầu tiền lãi, lãi suất 1%/tháng từ ngày 28/02/2022 đến ngày 04/3/2025 số tiền là 1.692.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 6.306.760.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Á cho rằng do tại thời điểm tháng 02/2022 T2, T3 đã nợ ông Á tổng cộng 7,5 tỷ đồng nên ông Á không cho T2, T3 vay nữa. Lời trình bày của ông Á là chưa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bởi căn cứ vào biên nhận nhận tiền ngày 02/11/2022 ông Á còn tiếp tục cho T2, T3 vay 2.500.000.000đồng. Đồng thời ngày 29/3/2023 T2, T3 viết cam kết trả nợ sẽ trả đủ tiền cho Á vào ngày 10/4/2023 là sau thời điểm Á chuyển khoản cho T1. Mặt khác, tại bản án dân sự sơ thẩm số 199/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T thừa nhận ngày 28/02/2022 có vay của ông Nguyễn Tuấn L số tiền gốc 4.700.000.000 đồng nhưng là vay dùm cho ông Dương Huỳnh T2 và bà Huỳnh Thị Tuyết T3. Sau khi vay tiền từ ông L thì bà Huỳnh Thị Tuyết T3 yêu cầu bà T chuyển vào tài khoản Ngân hàng Agribank tỉnh Đ qua số tài khoản cá nhân (6500203008760) của ông Mai Hải T1 (chuyển khoản 02 lần vào ngày 28/02/2022: Lần 01 số tiền là 2.300.000.000 đồng và lần 02 số tiền là 2.314.760.000 đồng). Tổng cộng 02 lần chuyển khoản là 4.614.760.000 đồng. Còn lại số tiền 85.240.000 đồng (ông T2, bà T3 còn nợ ông Á, bà T nên cấn trừ qua là đủ số tiền 4.700.000.000 đồng. Đồng thời, ông T2, bà T3 cũng thừa nhận có cung cấp số tài khoản của ông T1 và yêu cầu ông Á, bà T chuyển khoản cho ông T1. Tại bút lục số 48 trong hồ sơ thể hiện sau khi Á, T chuyển tiền cho ông T1 có nhắn tin cho bà T3 với nội dung tin nhắn: *"Chị chuyển qua STK của ông T1 rồi đó: tổng cộng 4.700.000.000 đồng T trừ lại 85.240.000 đồng vậy còn lại 4.614.760.000 đồng".* Nội dung tin nhắn giữa ông Á, bà T nhắn tin cho bà T3 số tiền trong tin nhắn và số tiền chuyển khoản cho ông T1 là trùng khớp với nhau. Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên xác định số tiền 4.614.760.000 đồng ông Á, bà T cho ông T2, bà T3 vay chứ không phải là cho ông T1, bà D vay. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Á, T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Á, bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[4]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Á, bà T là không có căn cứ nên không chấp nhận như nhận định trên.

[5]. Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Á, bà T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận như nhận định trên.

[6]. Do yêu cầu kháng cáo của ông ái, bà T không được chấp nhận nên ông Á, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T yêu cầu ông Mai Hải T1 và bà Võ Ngọc D liên đới trả số tiền gốc và lãi là 6.306.760.000 đồng (Sáu tỷ ba trăm lẻ sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Hữu Á và bà Dương Thị Kim T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.306.760 đồng (một trăm mười bốn triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông Á, bà T đã đóng là 57.701.000 đồng. Ông Á, bà T phải nộp thêm số tiền 56.605.760 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Ông Mai Hải T1 và bà Võ Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm

Ông Hồ Hữu Á, bà Dương Thị Kim T mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0003273 và 0003274 cùng ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TT KT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước